TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2019/KDTM-PT
Ngày: 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 08/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: số N, H, quận Đ, N.

*Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1979. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng A – Chi nhánh huyện C, tỉnh T. Địa chỉ: số C, đường H, khóm M, phường M, huyện C, tỉnh T *(Theo quyết định uỷ quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng A). (Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Hà Văn K, sinh năm 1931. Địa chỉ: số H, đường Đ, khóm B, phường M, huyện C, tỉnh T. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số B, đường K, khóm B, phường M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (*có mặt*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Khưu Quốc T, sinh năm 1949. Địa chỉ: số H, đường Đ, khóm B, phường M, huyện C, tỉnh T. *(Vắng mặt)*

2/. Ông Hà Tịnh T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: số H, đường Đ, khóm B, phường M, huyện C, tỉnh T. *(Vắng mặt)*

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hà Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A: ông Trần Thanh H trình bày: Ngày 26 tháng 5 năm 2016, Ngân hàng A - Chi nhánh huyện C, tỉnh T với ông Hà Văn K đã ký kết Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432*. Nội dung cơ bản của Hợp đồng gồm: Ngân hàng cho ông K vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); mục đích vay để xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo; lãi suất 0,95%/năm; thời hạn vay là 60 tháng; phương thức thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc theo phân kỳ 05 năm, mỗi năm trả vốn 800.000.000 đồng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngày 17/6/2015, ông K cùng với vợ con của ông K là bà Khưu Quốc T và anh Hà Tịnh T đã ký với Ngân hàng Hợp đồng số *0145/2015/HĐTC;* ngoài ra, ngày 26/5/2016, ông K - bà T - anh T còn ký với Ngân hàng Phụ lục hợp đồng số *01/2016/PLHĐTC.* Theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng nói trên, phía bị đơn thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất theo 03 Giấy chứng nhận gồm các số vào sổ: CH 00411, cấp ngày 08/9/2011; CH 00288, cấp ngày 05/6/2012 và 0055/QSDĐ 58070803, cấp ngày 07/01/1997; các Giấy chứng nhận nêu trên do ông Hà Văn K, bà Khưu Quốc T và hộ Khưu Quốc T đứng tên.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và ông Hà Văn K đã nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ tiền vay thì ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 27/6/2019, ông K chỉ trả Ngân hàng được 100.000.000 đồng tiền vốn và 60.166.667 đồng tiền lãi nên còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 3.900.000.000 đồng và lãi trong hạn đến ngày 27/6/2019 là 1.130.236.111 đồng, lãi quá hạn đến ngày 27/6/2019 là 402.034.722 đồng; tổng cộng tiền vốn và lãi (Phát sinh thêm từ ngày 27/6/2019) đến ngày 06/8/2019 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 5.494.020.833 đồng (Năm tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng). Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Hà Văn K phải thanh toán ngay số tiền trên và tiếp tục trả lãi suất theo Hợp đồng từ ngày 07/8/2019 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp, ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng A giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng; Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền; Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432/HĐTD* và Phụ lục hợp đồng tín dụng*;* Hợp đồng thế chấp số *0145/2015/HĐTC* và Phụ lục hợp đồng thế chấp số *01/2016/PLHĐTC;* các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp.

Bị đơn ông Hà Văn K trình bày: Ông K thừa nhận ký Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432/HĐTD* và Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp số *0145/2015/HĐTC* và Phụ lục hợp đồng thế chấp số *01/2016/PLHĐTC* để vay 4.000.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện. Bị đơn cũng thống nhất với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày về thời hạn vay, hình thức thanh toán; lãi suất trong hạn, quá hạn; biện pháp bảo đảm tiền vay; số tiền chưa thanh toán và việc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông K thống nhất số tiền vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng đã tính toán, thừa nhận tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/8/2019 là 5.494.020.833 đồng (Năm tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng). Ông K khẳng định đã có lỗi trong việc để phát sinh nợ quá hạn nhưng cho rằng, Ngân hàng đã cho vay là tương tự như hùn vốn nên cũng có một phần trách nhiệm, phải lo cho người dân khi gặp rủi ro vì kinh doanh thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán; ông K đã không yêu cầu Nhà nước hỗ trợ khi chăn nuôi khó khăn nên đề nghị Ngân hàng khoanh nợ lãi cũ để tiếp tục trả lãi mới phát sinh theo Hợp đồng, cuối năm 2019 sẽ trả nợ lãi cũ và 500.000.000 đồng vốn.

Trường hợp Ngân hàng yêu cầu thanh toán ngay một lần, ông K không có khả năng trả nợ nên đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký; tài sản thế chấp theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên là tài sản của vợ chồng ông K và anh Hà Tịnh T, không có ai khác liên quan đến các tài sản này.

Ngoài các ý kiến trình bày nêu trên, ông K giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản sao Sổ hộ khẩu gia đình thể hiện chị Hà Tịnh Mẫn đã chuyển đi, không còn chung hộ với ông K từ ngày 14/9/2006 (BL 162) và Đơn xin miễn án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khưu Quốc T trình bày: Bà T đã hiểu rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, không yêu cầu giải thích gì thêm và thừa nhận đã cùng với chồng là ông Hà Văn K, con trai là Hà Tịnh T ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông

K; đồng thời, khẳng định nội dung khởi kiện của Ngân hàng cũng như yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng với các hợp đồng.

Ngoài ra, bà T cũng xác nhận các tài sản thế chấp theo Hợp đồng đều do vợ chồng bà T và anh T quản lý sử dụng, không còn có ai khác liên quan đến tài sản thế chấp nêu trên. Do gia đình bà T đang gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để trả nợ, trường hợp ông K không trả nợ hoặc trả không đúng thỏa thuận trong Hợp đồng thì bà T đồng ý để Tòa án giải quyết, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật; không có yêu cầu gì khác và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Tịnh T trình bày: Anh T đã hiểu rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, không yêu cầu Tòa án thông báo hay giải thích gì thêm. Anh T thừa nhận có tham gia với cha mẹ của anh T là ông K - bà T ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất theo Giấy chứng nhận đúng như Ngân hàng cũng như ông K, bà T đã trình bày và thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông K, bà T, anh T; ngoài ra, không có liên quan đến người nào khác.

Anh T không có yêu cầu độc lập, chỉ đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình anh T có thời gian trả nợ. Trường hợp ông K không trả nợ hoặc trả không đúng thỏa thuận trong Hợp đồng, anh T đồng ý để Tòa án giải quyết, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật; không có yêu cầu gì khác và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 đã quyết định căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Điều 320, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bị đơn Hà Văn K, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc ông Hà Văn K có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng 5.494.020.833 đồng (Năm tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432/HĐTD* và Phụ lục hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/8/2019, cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số *0145/2015/HĐTC* và Phụ lục hợp đồng thế chấp số *01/2016/PLHĐTC* để thu hồi nợ. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 16/8/2019, bị đơn ông Hà Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng A không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn ông Hà Văn K vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn K không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Về nội dung:

[1] Xét nội dung nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn K cho rằng hợp đồng tín dụng giữa ông K và Ngân hàng A – Chí nhánh huyện C còn đang hiệu lực về thời gian trả nợ và lãi nhưng phía Ngân hàng cho rằng ông K không thực hiện các khoản trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K phải thành toán vốn vay và lãi với tổng số tiền là 5.494.020.833 đồng là chưa hợp lý, thì thấy rằng:

Theo hồ sơ vụ án ngày 26 tháng 5 năm 2016, giữa ông Hà Văn K và Ngân hàng A - Chi nhánh huyện C, có ký kết Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432/HĐTD*. Nội dung về việc ông K vay Ngân hàng số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) với lãi suất 0,95%/ năm, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc theo phân kỳ 05 năm, mỗi năm trả vốn 800.000.000 đồng. Để thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân và ông Hà Văn K đã nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 27/6/2019, ông K chỉ trả Ngân hàng được 100.000.000 đồng tiền vốn và 60.166.667 đồng tiền lãi nên còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 3.900.000.000 đồng và lãi trong hạn đến ngày 27/6/2019 là 1.130.236.111 đồng, lãi quá hạn đến ngày 27/6/2019 là 402.034.722 đồng; tổng cộng tiền vốn và lãi (Phát sinh thêm từ ngày 27/6/2019) đến ngày 06/8/2019 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 5.494.020.833 đồng (Năm tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng). Từ cơ sở phân tích nêu trên, ông K đã vi phạm tại khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng đã được ký kết. Do đó, phía bị đơn ông K là người có lỗi, Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn theo khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng là đúng quy định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bị đơn ông K có nghĩa vụ thanh toán trả ngân hàng vốn vay và lãi là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2] Ngoài ra, trong đơn kháng cáo bị đơn ông Hà Văn K còn cho rằng năm 2016 xảy ra dịch bệnh về heo nên ông K không có khả năng chi trả dẫn đến phát sinh khoản lãi và lãi chậm trả, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tình tiết nêu trên, thấy rằng:

Theo lời trình bày của ông K tại Toà án cấp sơ thẩm, Ông K thừa nhận ký Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432/HĐTD* và Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp số *0145/2015/HĐTC* và Phụ lục hợp đồng thế chấp số *01/2016/PLHĐTC* để vay 4.000.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện. Bị đơn cũng thống nhất với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày về thời hạn vay, hình thức thanh toán; lãi suất trong hạn, quá hạn; biện pháp bảo đảm tiền vay; số tiền chưa thanh toán và việc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông K thống nhất số tiền vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng đã tính toán, thừa nhận tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/8/2019 là 5.494.020.833 đồng (Năm tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng). Ông K khẳng định đã có lỗi trong việc để phát sinh nợ quá hạn nhưng cho rằng, Ngân hàng đã cho vay là tương tự như hùn vốn nên cũng có một phần trách nhiệm, phải lo cho người dân khi gặp rủi ro vì kinh doanh thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán. Vấn đề ông K nêu ra như trên không được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa 02 bên và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý khoanh nợ cho bị đơn. Do đó, kháng cáo của ông K cho rằng năm 2016 xảy ra dịch bệnh về heo nên ông K không có khả năng chi trả dẫn đến phát sinh khoản lãi và lãi chậm trả, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tình tiết nêu trên

là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông.

[3] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn K là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C ghi tên nguyên đơn chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đầy đủ.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn K.

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Điều 320, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bị đơn Hà Văn K, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc ông Hà Văn K có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng A 5.494.020.833 đồng (Năm tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số *7606LAV201600432/HĐTD* và Phụ lục hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/8/2019, cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số *0145/2015/HĐTC* và Phụ lục hợp đồng thế chấp số *01/2016/PLHĐTC* để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu 126.940.208 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn hai trăm lẻ tám đồng). Tuy nhiên, miễn toàn bộ tiền án phí nêu trên cho ông Hà Văn K.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.656.259 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0007863 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hà Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng A 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Hà Văn K được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS (TDS).

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu